TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 9 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái

Bà Phạm Hồng Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2025/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Bích T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Tấn C, sinh năm 1978, theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2025. Địa chỉ: Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau, (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Ánh M, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khóm G, xã C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Võ Văn L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp Q, xã N, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Công trình B:

Bà T có làm chủ hụi, bà M, ông L có tham gia các dây hụi do bà T làm chủ hụi, quá trình tham gia hụi bà M, ông L hốt hết tất cả các dây hụi, sau khi hốt hụi thì bà M, ông L không đóng hụi chết cho bà T. Sau đó ngày 28/02/2023 bà M có làm biên nhận còn nợ bà T 126.000.000 đồng, có trả 1.000.000 đồng, còn nợ 125.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà M trả cho bà T số tiền 125.000.000 đồng, không yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của ông L.

Bà M trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông L chung sống với nhau năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính tình và cách sống cũng như nhận thức vấn đề của hai bên không đồng nhất, hai bên đã ngồi lại hàn gắn tình cảm nhưng không thay đổi được trái lại mâu thuẫn càng trầm trọng. Ông bà đã ly thân từ năm 2007 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với ông L.

- Về con chung: Có 02 con chung là Võ My N, sinh năm 1998 và Võ Tổng A, sinh năm 2002, hiện các con đã trưởng thành, có công việc ổn định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông L trình bày:

- Về hôn nhân: Ông với bà M chung sống với nhau năm 1998, không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, ông đồng ý ly hôn với bà M.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với ý kiến bà M.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T: Từ năm 2004 đến nay ông với bà M mỗi người có cuộc sống riêng không còn liên quan nhau về mặt kinh tế. Nay bà T kiện ông và bà M yêu cầu trả số tiền hụi 125.000.000 đồng thì ông không đồng ý vì ông không biết số tiền này, ông không có tham gia hụi của bà T làm chủ hụi, việc bà M có tham gia hụi và thiếu nợ bà T như thế nào thì ông không biết và không liên quan đến ông, từ trước đến nay bà T cũng không liên hệ với ông về số tiền này.

Quá trình giải quyết vụ án bà M không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ánh M, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Ánh M có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Bích T 125.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông L yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L theo quy định.

Bà Nguyễn Ánh M đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ly hôn của bà M.

Theo Quyết định nhập vụ án số 01/2025/QĐST-DS ngày 23/7/2025, Tòa án đã nhập hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 258/2025/TLST-DS ngày 12/5/2025 về việc tranh chấp hụi giữa nguyên đơn bà Đinh Bích T - bị đơn bà Nguyễn Ánh M, ông Võ Văn L vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 226/2025/TLST-HNGĐ về việc tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Ánh M - bị đơn ông Võ Văn L.

Do Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà M, bà T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định tư cách của đương sự trong vụ án như sau: Bà Đinh Bích T là nguyên đơn, bà Nguyễn Ánh M, ông Võ Văn L là bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của bà Đinh Bích T là phù hợp với biên nhận ngày 28/02/2023 có chữ ký của bà Nguyễn Ánh M thể hiện nội dung: Bà M có nợ tiền hụi của bà T 126.000.000 đồng, hàng tháng gửi 1.000.000 đồng. Theo đại diện nguyên đơn xác định, bà M chỉ trả thêm 1.000.000 đồng thì ngưng thanh toán đến nay nên bà T khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền còn lại là 125.000.000 đồng, không yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của ông L.

Quá trình giải quyết vụ án bà M không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là sự kiện, tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó nguyên đơn yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Do yêu cầu được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu, được nhận lại số tiền đã dự nộp.

- Bà M đã nộp tạm ứng 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình được sung vào công quỹ nhà nước; Bà M phải chịu 6.250.000 đồng đối với nghĩa vụ trả nợ (125.000.000đ x 5%).

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Bích T.

Buộc bà Nguyễn Ánh M có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Bích T số tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ánh M với ông Võ Văn L.

Bà M có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà M đã dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004276 ngày 25/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau) được sung vào công quỹ nhà nước.

3.2. Về án phí dân sự

- Bà T không phải chịu, hoàn trả lại cho bà T 3.125.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004103 ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau).

- Bà M phải chịu 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), chưa nộp.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Việt Khái **Phạm Hồng Ân** **Hồ Dũng Liêm**